

Hà Tĩnh, ngày 25 tháng 2 năm 2016

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: Công ty cổ phần thủy điện Hương Sơn

Năm báo cáo: 2015

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần thủy điện Hương Sơn
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3000.333.195 do Sở KHĐT Hà Tĩnh cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 21/11/2012;
- Vốn điều lệ: 285.620.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 266.669.983.878 đồng
- Địa chỉ: Km70 – Quốc lộ 8A – Sơn Kim 1 – huyện Hương Sơn – tỉnh Hà Tĩnh;
- Số điện thoại: 0393.876.017
- Số fax: 0393.876.017
- Website: thuydienhuongson.vn
- Mã cổ phiếu : GSM

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển:
 - + Ngày thành lập (Quyết định góp vốn): 10 tháng 3 năm 2003;
 - + Ngày đi vào vận hành phát điện thương mại: Tháng 1 năm 2011
 - + Ngày được chấp thuận là Công ty đại chúng: 19 tháng 11 năm 2014;
- Các sự kiện khác.
 - + Ngày hoàn thành công trình: 3 năm 2012;

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm;
- Địa bàn kinh doanh: Sản xuất điện hòa vào mạng lưới điện Quốc gia.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản trị

- Mô hình quản trị.

Bao gồm:

- + Đại Hội đồng cổ đông;
- + Hội đồng quản trị;
- + Ban kiểm soát;
- + Ban Tổng giám đốc
- + Các phòng, bộ phận trong Công ty gồm:
 - ++ Phòng Tổ chức – Hành chính;
 - ++ Phòng Kỹ thuật – Vận Hành (Có Tổ QL VH Đường dây)
 - ++ Bộ phận Nhà máy: Gồm các ca vận hành, Tổ VH đầu mối, Tổ Kỹ thuật;
 - ++ Phòng Tài chính kế toán – Kinh tế;

- Cơ cấu bộ máy quản lý. Bao gồm:
 - + Đại Hội đồng cổ đông;
 - + Hội đồng quản trị;
 - + Ban kiểm soát;
 - + Ban Tổng giám đốc
- Các công ty con, công ty liên kết: Không;

5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.
 - + Sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm;
 - + Đầu tư xây dựng dự án thủy điện Hương Sơn 2;
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.
 - + Tập trung quản lý và vận hành Nhà máy thủy điện Hương Sơn đạt hiệu suất cao;
 - + Chuyển nhượng đường dây 110 KV cho Tổng công ty điện lực Miền Bắc;
 - + Đầu tư xây dựng Nhà máy thủy điện Hương Sơn 2;
- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.
 Công ty đang sử dụng nguồn nguyên liệu sạch và sản phẩm tạo ra cũng là sản phẩm sạch, an toàn cho môi trường, mang lại nguồn điện năng không nhỏ góp phần vào sự phát triển của đất nước;

6. Các rủi ro:

* Rủi ro kinh tế:

• *Tốc độ tăng trưởng kinh tế:* Tốc độ tăng trưởng kinh tế quốc gia sẽ ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ đến tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp điện cơ bản, đặc biệt là thủy điện. Một nền kinh tế tăng trưởng mạnh sẽ kéo theo sự gia tăng nhu cầu về cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất kinh doanh, các công trình xây dựng mới, nhà ở... để từ đó tăng nhu cầu sử dụng điện. Ngược lại khi nền kinh tế có bất ổn hay suy thoái sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến nhu cầu tiêu thụ điện tại tất cả các mặt trong đời sống của ngành điện nói chung và của Công ty nói riêng.

Nhìn chung, thị trường đang dần trên đà phục hồi, các doanh nghiệp cũng đang cải thiện được tình hình sản xuất, kinh doanh của mình và ngành thủy điện cũng không phải là một ngoại lệ. Đây chính là yếu tố mà Công ty Cổ phần Thủy Điện Hương Sơn cần nắm bắt nếu như Công ty muốn tăng trưởng hoạt động kinh doanh.

• *Lãi suất:* Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thủy điện, vốn vay là một phần quan trọng và chiếm tỷ lệ tương đối lớn trong nguồn vốn hoạt động. Lãi suất biến động sẽ có những tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty. Khi lãi suất tăng sẽ kéo theo chi phí sử dụng vốn tăng, làm lợi nhuận của doanh nghiệp giảm xuống và ngược lại. Rủi ro biến động về lãi suất sẽ ảnh hưởng cực lớn đến khả năng sinh lợi nhuận của Công ty.

* Rủi ro Luật pháp:

Là một Công ty cổ phần, Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, luật thuế... và các Nghị định, thông tư, văn bản hướng dẫn dưới Luật. Ngoài ra Công ty cũng chịu sự điều chỉnh của Luật chứng khoán và văn bản liên quan.

Mặt khác Công ty hiện nay đã trở thành công ty đại chúng và giao dịch cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tập trung, do vậy, hoạt động của Công ty sẽ còn chịu sự điều chỉnh của Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn. Việc chủ động nghiên cứu, nắm bắt và áp dụng các quy định hiện hành để đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp sẽ giúp Công ty hạn chế được những rủi ro này.

*** Rủi ro kinh doanh:**

Ngoài những rủi ro trên, hoạt động của Công ty CP Thủy Điện Hương Sơn còn phải đối mặt với các rủi ro đặc thù trong ngành thủy điện như rủi ro thời tiết. Đối với các Công ty thủy điện thì diễn biến thời tiết ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động. Đây là rủi ro đặc thù của ngành thủy điện. Lượng mưa là nhân tố chính ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của các công ty thủy điện. Trước sự biến đổi khí hậu công việc dự báo thời tiết trở nên khó khăn hơn, từ đó ảnh hưởng đến việc dự báo cũng như lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, dự báo doanh thu lợi nhuận của Công ty.

*** Rủi ro biến động giá cổ phiếu:**

Việc Công ty cổ phần Thủy Điện Hương Sơn đưa cổ phiếu lên giao dịch tại thị trường chứng khoán sẽ góp phần nâng cao năng lực tài chính, khẳng định uy tín, thương hiệu của doanh nghiệp cũng như tăng cường tính thanh khoản, tạo điều kiện cho doanh nghiệp huy động vốn. Tuy nhiên, rủi ro biến động giá cả cổ phiếu trên thị trường chứng khoán là điều không tránh khỏi. Giá cả chứng khoán trên thị trường được quyết định bởi nhiều yếu tố. Giá cả biến động có thể là do cung - cầu cổ phiếu, tình hình kinh tế - xã hội hay sự thay đổi quy định pháp luật về chứng khoán, yếu tố tâm lý của nhà đầu tư. Công ty cổ phần Thủy điện Hương Sơn đã chủ động công bố thông tin đối với Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và một số đơn vị liên quan khác nhằm giúp khách hàng và nhà đầu tư có những thông tin tin cậy và chính xác về các hoạt động của Công ty.

*** Rủi ro khác:**

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa... do thiên nhiên gây ra là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2015

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm (TH/KH) cụ thể như sau:**

- | | |
|------------------------------------|--|
| a. Tổng giá trị SXKD: | 140,98 tỷ đồng / 121 tỷ đồng (Đạt 116,51 %) |
| <i>Trong đó:</i> | |
| - Giá trị KD công nghiệp: | 140,98 tỷ đồng / 121 tỷ đồng (Đạt 116,51 %) |
| - Giá trị kinh doanh dịch vụ khác: | 0 tỷ đồng/0 tỷ đồng |
| b. Chi phí : | 113,38 tỷ đồng / 103,3 tỷ đồng (tăng 9,76 %) |
| c. Doanh thu: | 129,35 tỷ đồng / 110 tỷ đồng (Đạt 117,59 %) |

d. Lợi nhuận	15,97 tỷ đồng / 6,700 tỷ đồng (Đạt 238,36%)
e. Nộp ngân sách:	15,64 tỷ đồng / 19 tỷ đồng (Đạt 82,32 %)
f. Sản lượng điện:	82,64 triệu kwh/100 triệu kwh (Đạt 82,64 %)

- Nguyên nhân: Thời tiết năm 2015 khá khô hạn, lượng mưa và Qvh Nước lạnh khá thấp nên sản lượng điện không đạt kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo điều hành tốt của Ban Tổng giám đốc cũng như sự phối hợp nhịp nhàng giữa các bộ phận Nhà máy đã xây dựng nên phương án chạy máy tập trung công suất tối đa giờ cao điểm (Thực hiện hợp đồng 3 giá tránh được) đã đạt hiệu quả doanh thu vượt kế hoạch đề ra, theo đó các chỉ tiêu khác cũng tăng lên rõ rệt.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

+ Ông: Trần Công Hòe - Tổng giám đốc;

+ Ông Nguyễn Văn Hiệp - Kế toán trưởng;

- Những thay đổi trong ban điều hành: Không;

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 75 người

- Chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động: Các chính sách đối với người lao động được thực hiện theo các quy định của Nhà nước về tiền lương, bảo hiểm và an toàn, bảo hộ lao động đầy đủ. Hàng năm Công ty tổ chức Hội nghị người lao động và ký thỏa ước lao động nhằm đảm bảo quyền và lợi ích cho người lao động.

- Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Các khoản đầu tư lớn: Trong năm 2015 Công ty chỉ thực hiện các công việc đầu tư: Khảo sát bổ sung, lập dự án đầu tư thủy điện Hương Sơn 2. Tổng giá trị đầu tư 10.715.516.656 đồng trên kế hoạch đã được Đại hội cổ đông thông qua là 21.000.000.000 đồng. Đến nay, Dự án thủy điện Hương Sơn 2 đã hoàn thành dự án đầu tư đang chuẩn bị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Dự kiến khởi công Quý 4/2016.

3. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2014 (Đã điều chỉnh)	Năm 2015	% tăng, giảm
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:			
Tổng giá trị tài sản	716.178.331.267	694.699.118.576	Giảm 3%
Doanh thu thuần	110.493.386.482	128.160.271.734	Tăng 9%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(441.407.117)	14.804.895.976	
Lợi nhuận khác	1.046.030.956	1.168.670.240	Tăng 11,72%
Lợi nhuận trước thuế	604.623.839	15.973.566.216	
Lợi nhuận sau thuế	604.623.839	15.973.566.216	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

a) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	0,18	0,32	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,00036	0,0026	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,65	0,62	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,86	1,61	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	1586,74	280,65	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,154	0,18	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,005	0,125	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,002	0,06	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,001	0,023	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,005	0,125	

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) **Cổ phần:** 28.562.000.000 cổ phần.

b) **Cơ cấu cổ đông:**

TT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị	Tỷ lệ %
1	Tổng công ty Sông Đà (Cổ đông tổ chức)	17.046.550	170.465.500.000	59,68
2	Tổng Công ty Khoáng sản và thương mại Hà Tĩnh – CTCP (cổ đông tổ chức)	5.640.000	56.400.000.000	19,75
3	Tổng công ty cơ khí xây dựng – Công ty TNHH MTV (cổ đông tổ chức)	330.439	3.304.390.000	1,16
4	Các cổ đông cá thể	5.545.011	55.450.110.000	19,41
	Tổng cộng	28.562.000	285.620.000.000	100

- c) **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không.
- d) **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không.
- e) **Các chứng khoán khác:** Không.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. **Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

a. Tổng giá trị SXKD: 140,98 tỷ đồng / 121 tỷ đồng (Đạt 116,51 %)

Trong đó:

- Giá trị KD công nghiệp: 140,98 tỷ đồng / 121 tỷ đồng (Đạt 116,51 %)

- Giá trị kinh doanh dịch vụ khác: 0 tỷ đồng/0 tỷ đồng

b. Chi phí : 113,38 tỷ đồng / 103,3 tỷ đồng (tăng 9,76 %)

c. Doanh thu: 129,35 tỷ đồng / 110 tỷ đồng (Đạt 117,59 %)

d. Lợi nhuận 15,97 tỷ đồng / 6,700 tỷ đồng (Đạt 238,36%)

e. Nộp ngân sách: 15,64 tỷ đồng / 19 tỷ đồng (Đạt 82,32 %)

f. Sản lượng điện: 82,64 triệu kwh/100 triệu kwh (Đạt 82,64 %)

- **Những tiến bộ Công ty đã đạt được:** Đã xây dựng được kế hoạch chạy máy đạt hiệu suất cao hơn các năm trước.

2. **Tình hình tài chính**

a) **Tình hình tài sản**

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản:

Tài sản của Công ty cổ phần thủy điện Hương Sơn bao gồm tài sản ngắn hạn (Tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho...). Tuy nhiên tài sản chính của Công ty chính là tài sản dài hạn (Bao gồm các tài sản cố định là các hạng mục công trình và một số tài sản khác). Trong năm qua, hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty tương đối cao, kết quả cụ thể nhất là doanh thu vượt kế hoạch đề ra, các hạng mục công trình hoạt động ổn định và không xảy ra hư hỏng lớn...

b) **Tình hình nợ phải trả**

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

Hiện tại, các khoản nợ của Công ty tương đối lớn, chủ yếu là các khoản nợ dài hạn. Công ty vẫn đang tích cực tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm trả trước các khoản vay có lãi suất cao và dần trả số nợ còn lại.

- **Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay:** Hiện tại một số ngân hàng đang cho vay với lãi suất khá cao và thường xuyên yêu cầu Công ty trả nợ. Công ty đang tích cực và quyết liệt thương thảo nhằm giảm chi phí lãi vay đối với các tổ chức tín dụng có lãi suất cho vay cao, đưa ra những chiến lược cũng như biện pháp về tài chính thích hợp nhất góp một phần giảm gánh nặng trong chi phí SXKD cho đơn vị.

3. **Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:**

Công ty đã, đang và sẽ tiếp tục cử cán bộ đi học các lớp tập huấn nghiệp vụ và các lớp đào tạo về chuyên ngành quản lý để xây dựng doanh nghiệp với bộ máy quản lý vững chắc.

4. **Kế hoạch phát triển trong tương lai:**

Công ty đang có một nhiệm vụ rất lớn song hành cùng việc điều hành Sản xuất phát điện thương mại đó là đầu tư dự án Nhà máy thủy điện Hương Sơn 2;

IV. **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:*

Năm 2015, mặc dù gặp phải rất nhiều khó khăn, bất lợi nhưng tập thể CBCNV Công ty cổ phần Thủy điện Hương Sơn đã đoàn kết, nhất trí cùng nhau vượt qua khó khăn, thi đua lao động sản xuất vì mục tiêu hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch đã được các Cổ đông thống nhất thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2015. Thực tế một số thành quả đạt được rất đáng khích lệ như: các Tổ máy vận hành an toàn; CBCNV vận hành cơ bản đã làm chủ được dây chuyền công nghệ, thiết bị; sử dụng tương đối hiệu quả nguồn tài nguyên nước cho việc phát điện thương mại ... Việc triển khai thực hiện các nội dung đề ra trong Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2015 đã hoàn thành và vượt kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty*

Ban giám đốc đã xây dựng được chương trình công tác cụ thể cho từng tháng, quý, năm trên cơ sở chương trình công tác đó để điều hành và chỉ đạo công tác sản xuất kinh doanh của đơn vị. Đã chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn và hiệu quả, vượt kế hoạch các chỉ tiêu chính đã đề ra.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

V. **Quản trị công ty.**

1. *Hội đồng quản trị*

a) **Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Huy Hùng	Chủ tịch HĐQT
2	Trần Công Hòa	Ủy viên HĐQT, TGĐ
3	Hoàng Minh Thuận	Ủy viên HĐQT
4	Nguyễn Thị Hà	Ủy viên HĐQT
5	Võ Thị Hoa	Ủy viên HĐQT

b) **Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có;**

c) **Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị đã rất sát sao trong việc chỉ đạo, quyết định và giám sát các nội dung công việc đã thông qua. Năm 2015, đã tổ chức 04 cuộc họp Hội đồng quản trị, thống nhất được các nội dung quan trọng mang lại lợi ích lớn cho đơn vị. Cụ thể:

- Ban chấp hành Đảng ủy Công ty, Hội đồng quản trị Công ty, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã xây dựng và Ban hành quy chế phối hợp làm việc chi tiết, cụ thể để làm căn cứ phối hợp trong quá trình hoạt động.

- Ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản trong công tác quản lý mọi hoạt động của đơn vị: Nghị quyết, Quyết định, chỉ thị, văn bản chỉ đạo, phối hợp làm việc... để triển khai kịp thời các nội dung công việc do Đảng ủy cấp trên, Đại hội đồng Cổ đông, của các cơ quan lý nhà nước

- Thực hiện chức trách nhiệm vụ của Hội đồng quản trị theo đúng : Điều lệ tổ chức và hoạt động doanh nghiệp, các quy chế, quy định, quyết định,... do Nhà nước, Hội đồng quản trị ban hành, sát thực với tình hình điều kiện thực tế của Công ty, của Cổ đông chi phối, của Đại hội đồng cổ đông. Các chỉ thị, nghị quyết, quyết định đủ tính pháp lý, kịp thời làm cơ sở đảm bảo Ban điều hành triển khai toàn bộ nội dung hiện hữu và nội dung phát sinh thực tế tại đơn vị.

- Phê duyệt, ban hành các quy chế, quy định quản lý nội bộ theo đề nghị của ban giám đốc điều hành.

- Quản lý, điều hành công ty tuân thủ các quy định của pháp luật.

- Chủ động quan hệ với địa phương, các Bộ ngành Trung ương, đơn vị chủ quản ngành góp phần tăng thêm sức mạnh, tìm kiếm sự ủng hộ cho hoạt động phát triển của Công ty, nhất là Công ty đang đối diện các khó khăn nêu trên. Thời gian quan công tác đối ngoại mang lại hiệu quả to lớn cho hoạt động toàn diện của Công ty.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

Tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị, cho ý kiến về các nội dung trình của Tổng giám đốc nhằm đi đến thống nhất nội dung triển khai thực hiện.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có;

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty.

Ông: Nguyễn Huy Hùng - Chủ tịch HĐQT, Trình độ: Thạc sĩ quản trị Dự án;

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Ông: Bùi Văn Minh – Trưởng Ban kiểm soát;

Ông: Nguyễn Doãn Hoa – Thành viên Ban kiểm soát;

Ông: Trịnh Xuân Mạnh – Thành viên Ban kiểm soát;

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát thường xuyên được mời tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị để nắm bắt rõ các nội dung công việc được thông qua, qua đó theo dõi, giám sát việc thực hiện đảm bảo đúng quy định và lợi ích hợp pháp cho đơn vị.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

DVT: Triệu đồng

TT	Chức danh	Số người	Kế hoạch	Thực hiện	Chênh lệch	Ghi chú
1	Chủ tịch HĐQT	1	420	420	0	Lương
2	TV HĐQT	3	144	144	0	Thù lao
3	TV HĐQT kiêm TGD	1	336	336	0	Lương
4	Trưởng ban KS	1	48	48	0	Thù lao
5	Thành viên BKS	2	72	72	0	Thù lao
	Cộng	8	1020	1020	0	

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có;

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có;

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Công ty đã tổ chức thực hiện và giám sát việc thực hiện theo đúng điều lệ tổ chức hoạt động cũng như quy định quản trị Công ty trên cơ sở đảm bảo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước và tổ chức.

VI. Báo cáo tài chính

(Chi tiết có báo cáo tài chính đã đăng trên Website của Công ty:

<http://thuydienhuongson.vn/quanhecodong.html>)

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty



Trần Công Hòa

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
		VND	(Đã điều chỉnh) VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		25.364.084.070	18.977.470.048
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	7.220.238.919	2.110.461.934
111 1. Tiền		7.220.238.919	2.110.461.934
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		17.572.621.948	16.095.097.464
131 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	16.028.302.445	13.738.375.314
132 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		941.344.426	1.097.179.734
136 3. Phải thu ngắn hạn khác	5	744.838.291	1.259.542.416
137 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(141.863.214)	-
140 IV. Hàng tồn kho	7	210.201.120	38.251.507
141 1. Hàng tồn kho		210.201.120	38.251.507
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		361.022.083	733.659.143
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	361.022.083	708.748.698
153 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	-	24.910.445
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		669.335.034.506	697.200.861.219
220 II. Tài sản cố định		654.290.638.137	687.603.800.095
221 1. Tài sản cố định hữu hình	9	654.222.973.586	687.577.133.439
222 - Nguyên giá		795.195.456.341	793.962.362.686
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(140.972.482.755)	(106.385.229.247)
227 2. Tài sản cố định vô hình	10	67.664.551	26.666.656
228 - Nguyên giá		193.326.317	40.000.000
229 - Giá trị hao mòn lũy kế		(125.661.766)	(13.333.344)
240 IV. Tài sản dở dang dài hạn	8	10.715.516.656	5.232.841.363
242 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		10.715.516.656	5.232.841.363
260 VI. Tài sản dài hạn khác		4.328.879.713	4.364.219.761
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	11	4.328.879.713	4.364.219.761
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		694.699.118.576	716.178.331.267

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
		VND	(Đã điều chỉnh) VND
300 C. NỢ PHẢI TRẢ		428.029.134.698	465.481.913.605
310 I. Nợ ngắn hạn		80.372.886.237	106.411.918.592
311 1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	13.818.826.509	44.075.118.044
313 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	4.390.436.604	445.063.333
314 3. Phải trả người lao động		1.073.264.731	313.627.079
315 4. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	14.845.613.251	12.725.237.401
319 5. Phải trả ngắn hạn khác	16	214.663.880	52.797.170
320 6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	12	46.030.081.262	48.800.075.565
330 II. Nợ dài hạn		347.656.248.461	359.069.995.013
338 1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	12	347.656.248.461	359.069.995.013
400 D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		266.669.983.878	250.696.417.662
410 I. Vốn chủ sở hữu	17	266.669.983.878	250.696.417.662
411 1. Vốn góp của chủ sở hữu		285.620.000.000	285.620.000.000
411a - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		285.620.000.000	285.620.000.000
421 2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(18.950.016.122)	(34.923.582.338)
421a - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(34.923.582.338)	(35.528.206.177)
421b - LNST chưa phân phối năm nay		15.973.566.216	604.623.839
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		694.699.118.576	716.178.331.267

Người lập biểu

Phan Thị Huệ

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hiệp

Hà Tĩnh, ngày 04 tháng 02 năm 2016

Tổng Giám đốc



Trần Công Hòa

100
CÓ TỶ
KIỂM
KIỂM
KIỂM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
		VND	(Đã điều chỉnh) VND
01 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	128.160.271.734	110.493.386.482
02 2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		128.160.271.734	110.493.386.482
11 4. Giá vốn hàng bán	20	58.992.294.052	60.695.145.301
20 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		69.167.977.682	49.798.241.181
21 6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29.047.721	46.193.994
22 7. Chi phí tài chính	22	39.110.933.481	42.889.171.017
23 - Trong đó: Chi phí lãi vay		38.986.287.634	42.810.161.794
26 8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	15.281.195.946	7.396.671.275
30 9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		14.804.895.976	(441.407.117)
31 10. Thu nhập khác	24	1.187.705.270	1.046.030.956
32 11. Chi phí khác		19.035.030	-
40 12. Lợi nhuận khác		1.168.670.240	1.046.030.956
50 13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		15.973.566.216	604.623.839
51 14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25	-	-
60 15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>15.973.566.216</u>	<u>604.623.839</u>
70 16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	559	21

Người lập biểu

Phan Thị Huệ

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hiệp

Hà Tĩnh, ngày 04 tháng 02 năm 2016

Tổng Giám đốc



Trần Công Hòa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
		VND	(Đã điều chỉnh) VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	15.973.566.216	604.623.839
2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	35.598.661.275	35.118.804.862
03	- Các khoản dự phòng	141.863.214	-
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	124.645.847	79.009.223
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	(165.411.358)	(46.193.994)
06	- Chi phí lãi vay	38.986.287.634	42.810.161.794
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	90.659.612.828	78.566.405.724
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu	(1.594.477.253)	2.345.136.689
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho	(171.949.613)	173.874.929
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	(26.315.217.594)	(10.648.534.594)
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước	383.066.663	(3.239.929.262)
14	- Tiền lãi vay đã trả	(37.915.911.784)	(44.045.090.766)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	2.729.727.761
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	-	(3.668.659.800)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	25.045.123.247	22.212.930.681
II. LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(5.792.370.918)	(2.969.349.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	136.363.637	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	29.047.721	46.193.994
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(5.626.959.560)	(2.923.155.006)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu đi vay	32.586.253.448	2.000.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	(46.769.994.303)	(22.093.240.711)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(14.183.740.855)	(20.093.240.711)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	5.234.422.832	(803.465.036)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	2.110.461.934	2.913.834.017
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(124.645.847)	92.953
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3 7.220.238.919	2.110.461.934

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phan Thị Huệ

Nguyễn Văn Hiệp

